

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng
Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2016;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Căn cứ Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại văn bản số 816/KHCN-TĐC ngày 06/6/2023 (sau khi có ý kiến góp ý của các Sở, ngành, cơ quan có liên quan), ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh (bằng phiếu giấy và điện tử).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu VT, VX, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Châu

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng

Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở và các đơn vị trực thuộc có liên quan cấp tỉnh (sau đây gọi chung là đơn vị cấp tỉnh).

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là đơn vị cấp huyện).

c) Đơn vị cung cấp giải pháp.

d) Các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh... có nhu cầu triển khai và áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi chung là cấp cơ sở).

đ) Người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động truy xuất nguồn gốc.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Hệ thống truy xuất nguồn gốc): Xây dựng trên nền tảng công nghệ CheckVN với các phân hệ: (i) Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh; (ii) Hệ thống quản lý, cập nhật thông tin, dữ liệu về truy xuất nguồn gốc dành cho đối tượng là cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở sản xuất, kinh doanh; (iii) các ứng dụng khai thác dữ liệu trên thiết bị di động trong việc tìm kiếm, truy vết, tra cứu thông tin nguồn gốc sản phẩm.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho phép truy xuất nguồn gốc được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn theo thời gian trong toàn bộ chuỗi cung ứng đồng thời cho phép cơ quan quản lý thực hiện quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc.

2. Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc) là phần mềm để phục vụ việc cung cấp thông tin về nguồn gốc, cung cầu sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở kết nối thông tin với hệ thống truy xuất nguồn gốc của các

cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh...

3. *Truy xuất nguồn gốc*: là hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh (khoản 2.9 Điều 2 Tiêu chuẩn TCVN 12850:2019).

4. *QR Code*: là chữ viết tắt của chữ Quick response code (Mã phản hồi nhanh) hay còn gọi là mã vạch ma trận (matrix-barcode) là dạng mã vạch hai chiều (2D) thế hệ mới có thể được đọc bởi một máy đọc mã vạch hay smartphone (điện thoại thông minh) có chức năng chụp ảnh (camera) với ứng dụng chuyên biệt để quét mã.

5. *Sản phẩm*: là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng (khoản 1 Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa).

6. *Hàng hóa*: là sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, tiếp thị (khoản 2 Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa).

7. *Cơ sở dữ liệu* (sau đây viết tắt là CSDL): là một tập hợp các dữ liệu có tổ chức liên quan đến nhau, thường được lưu trữ và truy cập điện tử từ hệ thống máy tính.

Điều 3. Địa chỉ truy cập Hệ thống truy xuất nguồn gốc

Địa chỉ truy cập Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh: <https://checkvn.hatinh.gov.vn>.

Hệ thống sử dụng font chữ Unicode TCVN 6909.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống

1. Thực hiện theo Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo.

2. Cơ sở dữ liệu được quản lý tập trung, thống nhất phục vụ công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các thông tin, dữ liệu được thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thường xuyên; đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, không trùng lặp.

4. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đảm bảo đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật, được kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm để đảm bảo an toàn thông tin.

5. Hệ thống tuân thủ các nguyên tắc chung phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12850:2019.

Điều 5. Đảm bảo an toàn thông tin

Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và sử dụng sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc có trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG

Điều 6. Tài khoản quản trị và sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc

1. Phân loại tài khoản theo phân cấp quản lý:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền và giao Sở Khoa học và Công nghệ (trực tiếp Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng Tài khoản quản trị Hệ thống truy xuất nguồn gốc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chức năng tài khoản gồm: Phát hành mã QR Code truy xuất nguồn gốc; xem lịch sử truy cập các tài khoản; tạm dừng hoạt động tài khoản trong phạm vi quản lý; thay đổi thông tin tác nhân của tài khoản; quản lý và theo dõi toàn bộ hoạt động liên quan đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên hệ thống; báo cáo, thống kê số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh đăng ký tham gia của toàn hệ thống; quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm chất lượng thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Đơn vị cấp tỉnh: Tài khoản quản trị đơn vị cấp tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ cấp và đơn vị cấp tỉnh quản lý.

Chức năng tài khoản gồm: Thẩm định các thông tin của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý được gửi yêu cầu từ tài khoản đơn vị cấp huyện; xem lịch sử truy cập các tài khoản, tạm dừng hoạt động tài khoản trong phạm vi đơn vị cấp tỉnh quản lý; báo cáo, thống kê số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý đăng ký tham gia hệ thống; quản lý thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý.

c) Đơn vị cấp huyện: Tài khoản quản trị đơn vị cấp huyện do Sở Khoa học và Công nghệ cấp và đơn vị cấp huyện chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng.

Chức năng tài khoản gồm: Thẩm định các thông tin của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc địa bàn quản lý được gửi yêu cầu từ tài khoản cấp cơ sở; xem lịch sử truy cập các tài khoản, tạm dừng hoạt động tài khoản trong phạm vi cấp huyện quản lý; báo cáo, thống kê số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc địa bàn quản lý đăng ký tham gia hệ thống; quản lý thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc địa bàn quản lý.

d) Cấp cơ sở: Tài khoản quản trị cấp cơ sở do Sở Khoa học và Công nghệ cấp và cơ sở được cấp tài khoản chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng.

Chức năng gồm: Xem lịch sử truy cập các tài khoản; thay đổi thông tin tác nhân của tài khoản; cập nhật thông tin của cơ sở; cập nhật, thêm mới thông tin sản phẩm, tạo yêu cầu cấp mã tem Qr Code gửi lên cơ quan quản lý; cập nhật thông tin lô mã; cập nhật thông tin truy xuất nguồn gốc; quản lý truy xuất nguồn gốc; báo cáo, thống kê số lượng tem Qr Code, số lượng người truy xuất của cơ sở; thay đổi thông tin trạng thái của tem gắn trên sản phẩm; thu hồi, cảnh báo sản phẩm (lô sản phẩm) không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm; cảnh báo sản phẩm, hàng hóa không tuân thủ đúng nguyên tắc truy xuất nguồn gốc.

đ) Người tiêu dùng: Có thể đăng ký tài khoản trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc: <https://checkvn.hatinh.gov.vn>.

Chức năng gồm: Truy xuất thông tin về sản phẩm; theo dõi lịch sử, nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm; thực hiện đặt và mua các sản phẩm, hàng hóa của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc; bình luận, đánh giá về sản phẩm.

2. Về thời gian cấp tài khoản: Trong 5 ngày làm việc từ khi nhận được yêu cầu đăng ký tài khoản từ cơ sở sản xuất, kinh doanh.

3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh được cấp tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng theo đúng mục đích, chức năng theo quy định.

Điều 7. Yêu cầu CSDL trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc

1. Nội dung dữ liệu thông tin được thể hiện bằng chữ viết, văn bản, lời nói, hình ảnh hoặc đoạn phim với dung lượng phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời trong các công đoạn của truy xuất nguồn gốc.

2. Danh mục CSDL cần quản lý trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc:

a) CSDL về cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện tham gia vào hoạt động truy xuất nguồn gốc.

b) CSDL về danh mục sản phẩm, loại sản phẩm được quản lý về truy xuất nguồn gốc.

c) CSDL về quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh, phân phối, vận chuyển đối với các sản phẩm, hàng hóa trong toàn chuỗi cung ứng.

d) CSDL về hoạt động tra cứu thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và dữ liệu người dùng sản phẩm, hàng hóa.

đ) CSDL về quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc của cơ quan quản lý cấp tỉnh và cấp huyện.

3. Thông tin dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.

4. Thông tin dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019.

5. Thông tin dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021.

6. Quy định tối thiểu các thông tin cần thiết phục vụ truy xuất nguồn gốc trên hệ thống bao gồm:

6.1. Đối với cơ sở sản xuất:

6.1.1. Thông tin về cơ sở sản xuất: Tên, địa chỉ, số điện thoại, người chịu trách nhiệm của cơ sở sản xuất; Giấy tờ pháp lý tương ứng của cơ sở sản xuất:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chứng thực thành lập tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, quyết định thành lập...; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực; Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng hoặc Bản tự công bố sản phẩm hoặc Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm; Kết quả thử nghiệm sản phẩm phù hợp các yêu cầu quy định.

6.1.2. Thông tin về lô sản phẩm, hàng hóa: Tên sản phẩm, hàng hóa; Số lô sản xuất; Số lượng sản phẩm thuộc lô sản xuất; Ngày sản xuất; Hạn sử dụng (nếu có); Mã nhận diện (nếu có); Nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến của lô sản phẩm: Tên, các thông tin về nguồn gốc sản phẩm theo quy định đối với sản phẩm sản xuất trong nước, các thông tin về xuất xứ hàng hóa theo quy định đối với sản phẩm nhập khẩu; Bao bì, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dùng để bao gói lô sản phẩm: Tên, các thông tin về nguồn gốc sản phẩm theo quy định đối với sản phẩm sản xuất trong nước, các thông tin về xuất xứ hàng hóa theo quy định đối với sản phẩm nhập khẩu (đối với sản phẩm không phải là thực phẩm không cần thiết kê khai thông tin này).

6.1.3. Số lượng sản phẩm của lô sản xuất đã xuất kho, còn tồn kho.

6.1.4. Danh sách tên, địa chỉ của khách hàng, các đại lý phân phối sản phẩm (nếu có); số lượng sản phẩm của lô sản xuất đã nhập, đã bán và còn tồn tại kho.

6.2. Đối với cơ sở kinh doanh:

6.2.1. Thông tin về cơ sở kinh doanh: Tên, địa chỉ, số điện thoại, người chịu trách nhiệm của cơ sở kinh doanh; giấy đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (nếu có).

6.2.2. Tên, địa chỉ của cơ sở cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho cơ sở kinh doanh.

6.2.3. Thông tin về loại sản phẩm, hàng hóa; số lượng sản phẩm của lô sản phẩm đã nhập, đã bán và còn tồn ở kho cơ sở kinh doanh.

6.2.4. Danh sách tên, địa chỉ của khách hàng, các đại lý phân phối sản phẩm (nếu có); số lượng sản phẩm của lô sản xuất đã nhập, đã bán và còn tồn tại kho.

Điều 8. Quy trình đăng ký, cập nhật, phê duyệt, phát hành mã QR Code trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đăng ký tài khoản trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc, địa chỉ: <https://checkvn.hatinh.gov.vn>.

2. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét các thông tin trong đăng ký của cơ sở, nếu các thông tin đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và cấp tài

khoản đăng nhập Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho cơ sở. Trường hợp thông tin chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo về việc không cấp tài khoản đăng nhập Hệ thống truy xuất nguồn gốc và nêu rõ lý do.

3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa lên Hệ thống truy xuất nguồn gốc bằng tài khoản được cấp, nội dung cập nhật theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Quy chế này; gửi thông tin lên đơn vị cấp huyện để thẩm định, phê duyệt.

4. Đơn vị cấp huyện thực hiện thẩm định các thông tin thuộc trách nhiệm quản lý (Tên, địa chỉ, số điện thoại, người chịu trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh; Giấy tờ pháp lý tương ứng của cơ sở sản xuất, kinh doanh; Giấy chứng nhận do đơn vị cấp huyện cấp), nếu các thông tin đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì phê duyệt và gửi thông tin lên đơn vị cấp tỉnh để thẩm định các nội dung còn lại. Trường hợp cơ sở cập nhật thông tin chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, đơn vị cấp huyện thông báo về việc không phê duyệt và nêu rõ lý do.

5. Đơn vị cấp tỉnh thực hiện thẩm định các thông tin còn lại, nếu các thông tin đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì phê duyệt và gửi thông tin sang Sở Khoa học và Công nghệ để phát hành trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc bộ mã QR Code cho cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở cập nhật thông tin chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định, đơn vị cấp tỉnh thông báo về việc không phê duyệt và nêu rõ lý do.

6. Dựa trên bộ mã QR Code do Sở Khoa học và Công nghệ cấp, cơ sở tự kích hoạt, thực hiện in và dán tem QR Code truy xuất nguồn gốc lên từng sản phẩm (thống nhất một mẫu tem QR Code tại phụ lục kèm theo Quy chế này).

7. Các tổ chức, cá nhân có thể truy xuất nguồn gốc về sản phẩm, hàng hóa trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc hoặc tải ứng dụng “CheckVN Hà Tĩnh” trên kho ứng dụng của điện thoại thông minh thực hiện quét QR Code truy xuất thông tin sản phẩm hoặc bằng các ứng dụng khác.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Là cơ quan đầu mối, chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra; hàng năm tổng hợp báo cáo việc thực hiện Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng các văn bản, quy định về quản lý lĩnh vực truy xuất nguồn gốc; phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

3. Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi, kết nối dữ liệu truy xuất với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu hướng dẫn, áp dụng Hệ thống

truy xuất nguồn gốc. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về hoạt động truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,... cho đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ quan quản lý và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, thiết kế cải tiến để nâng cấp và mở rộng Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh, nhằm đáp ứng yêu cầu tích hợp với Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia và các đơn vị cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc phổ biến ở Việt Nam.

6. Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh về mặt kỹ thuật trong việc cập nhật tin, bài, thông tin điện tử phục vụ truy xuất nguồn gốc - kết nối cung cầu hàng hóa; đồng thời tạo lập chuyên mục, chuyên trang, banner... trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh.

7. Tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về chất lượng, an toàn thực phẩm trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc và gửi đến các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định. Giám sát, theo dõi kiểm tra các thông tin, bài viết, văn bản, dữ liệu được cập nhật trên Hệ thống; hủy thông tin, bài viết vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục, vi phạm quy chế và các quy định khác có liên quan.

8. Cung cấp cho các sở, ngành, UBND cấp huyện, cơ sở sản xuất, kinh doanh tài khoản đăng nhập Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh để quản lý, cập nhật, lưu trữ, truy xuất cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; phát hành mã QR Code truy xuất nguồn gốc cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng yêu cầu.

9. Thẩm định, phê duyệt thông tin kê khai của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND cấp huyện

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Phân công lãnh đạo, công chức và chỉ đạo đơn vị trực thuộc sử dụng tài khoản đăng nhập trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

2. Tập trung chỉ đạo các sản phẩm, nhóm sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh; sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ; sản phẩm đã được chứng nhận và tham gia Chương trình OCOP của tỉnh; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn thực phẩm, thân thiện môi trường; sản phẩm xuất khẩu và các sản phẩm đủ điều kiện vào hệ thống các siêu thị... tham gia vào Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh và chỉ sử dụng một mẫu tem QR Code dùng chung của tỉnh để dán lên sản phẩm.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền về nội dung liên quan đến truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý. Hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý cập nhật các thông tin theo đúng quy định.

4. Thẩm định, phê duyệt thông tin cập nhật của các cơ sở thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý và phê duyệt đánh giá, bình luận của người tiêu dùng đối với các

cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm theo phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm; chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, người tiêu dùng về việc phê duyệt thông tin, đánh giá, bình luận.

5. Quản lý, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc theo thẩm quyền. Thực hiện các chương trình về truy xuất nguồn gốc khác theo chỉ đạo của Bộ chủ quản.

6. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thu hồi, gỡ bỏ hoặc xác nhận lại tài khoản đăng nhập của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đưa thông tin sai lệch hoặc vi phạm các điều kiện an toàn thực phẩm bị người tiêu dùng phản ánh hoặc bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và xử lý vi phạm theo phân công, phân cấp quản lý.

b) Khóa, ngăn chặn tài khoản cơ sở sản xuất, kinh doanh, tài khoản người tiêu dùng có hành vi cố ý đưa thông tin rác, không phù hợp trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc.

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ các sự cố kỹ thuật, đề nghị đơn vị xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc hỗ trợ khắc phục sự cố trong quá trình quản lý, sử dụng phần mềm.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ thông tin trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện hoạt động duy trì, cải tiến, nâng cấp và mở rộng Hệ thống truy xuất nguồn gốc và các hoạt động phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa

1. Sử dụng, bảo mật tài khoản được cung cấp theo đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Các thông tin cập nhật lên Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải đảm bảo tính chính xác, trung thực; cam kết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, quy định khi tham gia.

3. Phản hồi kịp thời các bình luận, đánh giá của người tiêu dùng phản ánh thông tin về cơ sở, về các sản phẩm do chủ tài khoản đăng tải lên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc.

4. Kịp thời phản ánh các lỗi phát sinh hoặc sự cố kỹ thuật, vướng mắc phát sinh trong quá trình cập nhật, khai thác thông tin trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc về đơn vị hỗ trợ kỹ thuật.

5. Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực các hồ sơ, tài liệu liên quan đến thông tin kê khai quy định tại khoản 6 Điều 7 Quy chế này về đơn vị cấp huyện hoặc đơn vị cấp tỉnh (khi có yêu cầu) để tổ chức thẩm định, phê

duyet.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã cập nhật, đăng tải.

Điều 14. Trách nhiệm của người tiêu dùng

1. Chịu trách nhiệm về việc bảo mật tài khoản và các nội dung do tài khoản của mình đăng tải lên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc; thông tin đăng ký tài khoản sử dụng phải xác thực.

2. Kịp thời phản ánh các vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh với đơn vị quản lý thông qua chức năng trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc hoặc thông qua đường dây nóng.

3. Đăng tải các thông tin, đánh giá, bình luận cơ sở, sản phẩm một cách khách quan, trung thực phù hợp với thuần phong mỹ tục, văn hóa Việt Nam.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc

1. Đảm bảo các tính năng của Hệ thống truy xuất nguồn gốc do đơn vị xây dựng hoạt động ổn định.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện hoạt động duy trì, cải tiến, nâng cấp và mở rộng các tính năng liên quan đến hoạt động truy xuất nguồn gốc đáp ứng các yêu cầu, quy định pháp luật.

Điều 16. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí hàng năm trong sự nghiệp khoa học và công nghệ; nguồn vốn tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

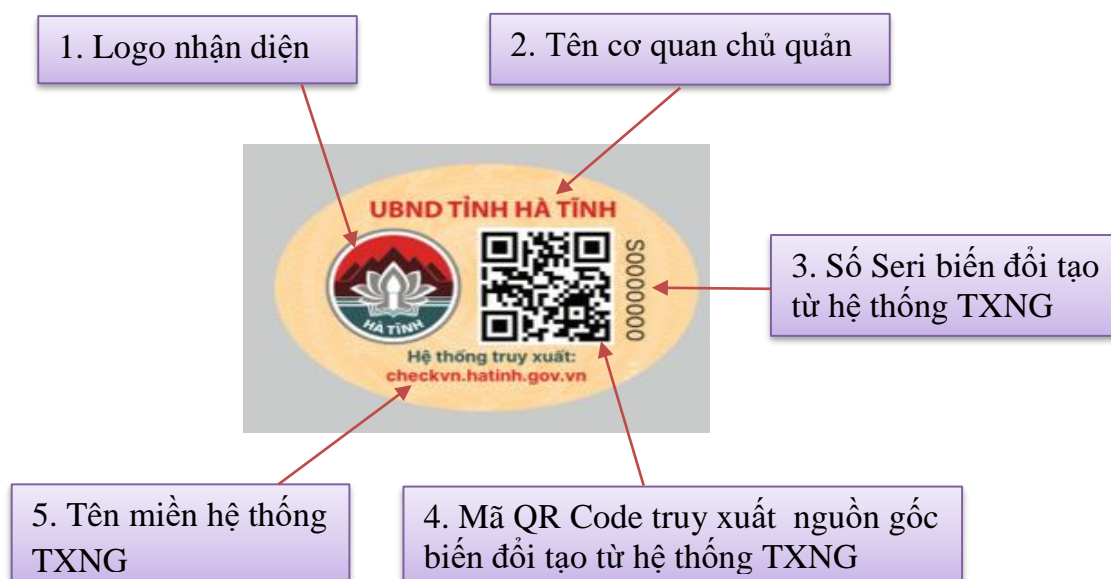
2. Trường hợp các quy định trong các văn bản, tiêu chuẩn dẫn chiếu tại Quy chế này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

PHỤ LỤC

Mẫu tem Qr Code truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh

I. MẪU TEM QR Code truy xuất nguồn gốc (không có xác thực)

1.1. Hình dạng:

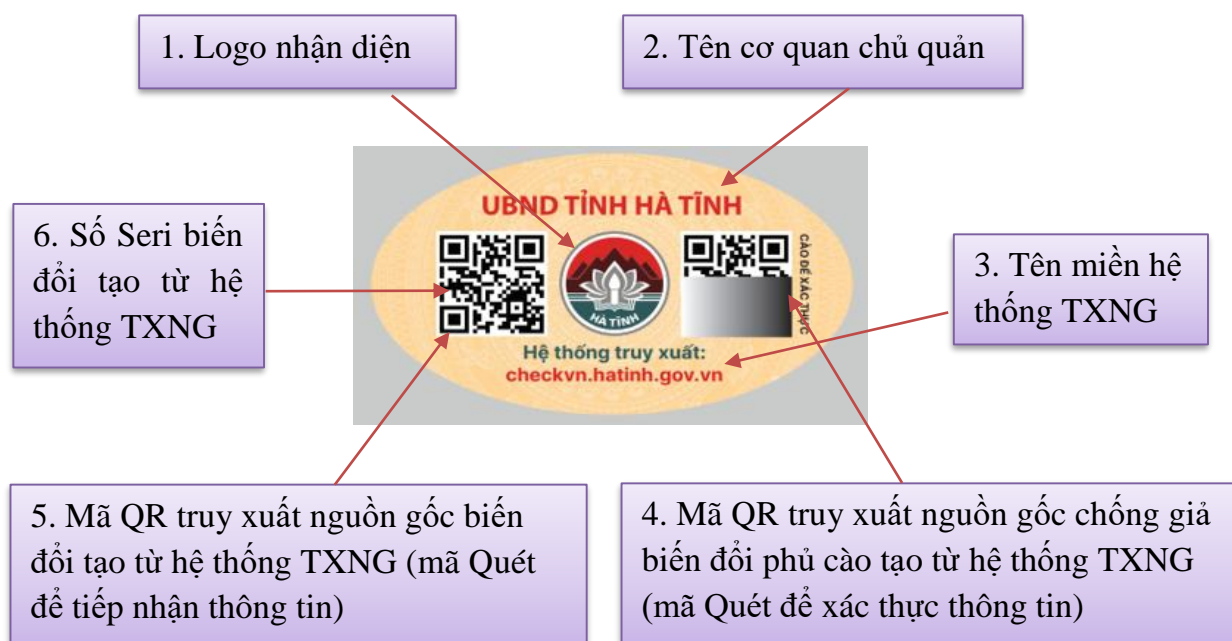


1.2. Màu sắc, kích thước, chất liệu in, font chữ:

- Màu sắc: Xanh lá, trắng và đen, có họa tiết hoa văn chìm.
- Kích thước tem: 1,7 cm x 2,2 cm.
- Chất liệu in: Decal, cán bóng chống thấm nước.
- Font chữ: Times New Roman định dạng Regular và Bold.

II. Mẫu tem QR Code truy xuất nguồn gốc (có xác thực)

2.1. Hình dạng:



2.2. Màu sắc, kích thước, chất liệu in, font chữ:

- Màu sắc: Xanh lá, trắng và đen, có họa tiết hoa văn chìm.
- Kích thước tem: 2 cm x 3,5 cm.
- Chất liệu: Decal, cán bóng chống thấm nước.
- Font chữ: Times New Roman định dạng Regular và Bold.